

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800408245, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 19 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : 02633 520 290
- Fax : 02633 825 291

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính;
- Trồng và sản xuất các loại cây nông sản.
- Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên dùng để chế biến thực phẩm và sản phẩm của doanh nghiệp;
- Điều hành tua du lịch;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nghiêm Văn Thắng	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Doãn Thị Thu Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phạm Thu Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Phan Anh Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Anh Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2016
Bà Doãn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2012
Ông Phạm Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2012
Ông Phan Anh Tú	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017
Bà Phan Thị Cúc Hương	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2012
	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Thụy - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

2017
NH
TƯ V
ANG
KHÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Thụy
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2017





Số: 137/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 02 tháng 8 năm 2017, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Văn Kiên
Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nha Trang, ngày 24 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		268.108.975.292	182.729.101.319
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.607.373.632	22.878.251.046
1. Tiền	111		16.607.373.632	8.178.251.046
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	14.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.419.037.591	58.480.505.042
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	34.343.095.204	49.195.394.265
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.108.363.448	6.409.063.733
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	967.578.939	2.876.047.044
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		207.464.921.740	100.490.154.464
1. Hàng tồn kho	141	V.5	207.464.921.740	100.490.154.464
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.617.642.329	880.190.767
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	126.510.115	118.345.765
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.454.886.472	761.845.002
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	36.245.742	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.281.126.104	47.231.383.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		181.550.000	181.550.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	181.550.000	181.550.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		41.543.862.990	40.386.170.049
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	41.389.237.365	40.203.430.674
- Nguyên giá	222		94.827.479.786	90.364.158.304
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.438.242.421)	(50.160.727.630)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	154.625.625	182.739.375
- Nguyên giá	228		281.137.500	281.137.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(126.511.875)	(98.398.125)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.067.743.137	5.333.252.384
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	11.067.743.137	5.333.252.384
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.487.969.977	1.330.411.469
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.487.969.977	1.330.411.469
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		322.390.101.396	229.960.485.221

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		152.731.572.514	52.889.325.700
I. Nợ ngắn hạn	310		152.271.572.514	52.429.325.700
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a,b	4.463.488.213	6.839.401.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.090.820.429	3.839.110.398
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.202.538.463	17.414.381.268
4. Phải trả người lao động	314	V.13	2.557.608.911	10.369.690.614
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	26.846.418
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a,b	15.404.355.756	446.212.158
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a,c	125.113.512.174	13.046.625.251
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	439.248.568	447.058.568
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		460.000.000	460.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b,c	460.000.000	460.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

044
 CHI
 ĐNG
 ITO
 ại NI
 TRAN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.658.528.882	177.071.159.521
I. Vốn chủ sở hữu	410		169.658.528.882	177.071.159.521
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	146.571.500.000	146.571.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		146.571.500.000	146.571.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	9.933.986.561	9.933.986.561
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	13.153.042.321	20.565.672.960
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.908.522.960	20.565.672.960
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.244.519.361	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		322.390.101.396	229.960.485.221

Lâm Đồng, ngày 02 tháng 8 năm 2017



Phan Anh Tú
Người lập



Phan Anh Tú
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thụy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	254.992.920.494	185.283.407.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.473.206.888	3.045.901.473
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		250.519.713.606	182.237.505.969
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	234.401.070.522	165.219.396.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.118.643.084	17.018.109.600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	507.242.960	517.177.796
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.176.496.304	991.317.030
Trong đó: chi phí lãi vay	23		663.959.052	476.295.714
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	3.712.225.974	2.829.315.566
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.528.319.376	3.717.807.540
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.208.844.390	9.996.847.260
12. Thu nhập khác	31	VI.8	50.077.378	83.772.938
13. Chi phí khác	32	VI.9	162.663.498	77.327.377
14. Lợi nhuận khác	40		(112.586.120)	6.445.561
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.096.258.270	10.003.292.821
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.851.738.909	2.074.654.226
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.244.519.361	7.928.638.595
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.244.519.361	7.928.638.595
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	494	541
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	494	541



Lâm Đồng, ngày 02 tháng 8 năm 2017


Phan Anh Tú
Người lập


Phan Anh Tú
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thụy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.096.258.270	10.003.292.821
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, V.8	2.998.951.517	2.652.959.329
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	362.162.671	270.339.484
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(321.301.567)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	663.959.052	476.295.714
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.121.331.510	13.081.585.781
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.437.488.339	(6.532.585.462)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.5	(106.974.767.276)	(40.041.221.986)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.124.544.369)	(28.103.490.016)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.6a,b	(165.722.858)	(789.383.733)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(663.959.052)	(476.295.714)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(3.444.266.353)	(3.906.123.576)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.16	50.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(7.860.000)	(56.912.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(110.822.250.059)	(66.824.427.109)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.116.422.327)	(19.578.486.475)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	-	54.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	298.720.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.116.422.327)	(19.225.221.019)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15a	192.292.178.967	131.771.625.996
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15a	(80.592.429.213)	(61.473.394.062)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14a, V.17	(14.349.750)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		111.685.400.004	70.298.231.934
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.253.272.382)	(15.751.416.194)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.878.251.046	25.674.046.033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17.605.032)	(4.170.954)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	16.607.373.632	9.918.458.885



Lâm Đồng, ngày 02 tháng 8 năm 2017

Phan Anh Tú
Người lập

Phan Anh Tú
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thụy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính;
- Trồng và sản xuất các loại cây nông sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Doanh thu và giá vốn kỳ này tăng so với kỳ trước do tăng sản lượng tiêu thụ. Tuy nhiên, mức tăng giá vốn cao hơn doanh thu (do ảnh hưởng của chi phí hàng biểu tặng và chi phí tiền lương) làm tỷ lệ lãi gộp giảm so kỳ trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng	Tổ dân phố số 2, thị trấn Ma Đa Guôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng	Chế biến điều xuất khẩu	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	Số 36 Bạch Đằng 2, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận	Xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Trồng nho	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngõ Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 258 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 421 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Lạt (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Lạt (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí thuê đất, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (37,5 năm).

Chi phí khác

Bao gồm chi phí vận chuyển di dời và chi phí khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	456.023.302	180.215.501
Tiền gửi ngân hàng	16.151.350.330	7.998.035.545
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	-	14.700.000.000
Cộng	<u>16.607.373.632</u>	<u>22.878.251.046</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	34.343.095.204	49.195.394.265
Premier Fruit & Nut Ltd	7.941.500.000	-
Công ty TNHH MTV Ladofoods	7.893.781.312	11.827.717.214
Red River Foods Inc	7.489.469.820	-
Barrowlane and Ballard Ltd	4.050.165.000	-
Chungs Oriental Trading P/L	3.956.568.750	-
Công ty TNHH W.E.I Việt Nam	2.806.340.232	33.056.792.349
Các khách hàng khác	205.270.090	4.310.884.702
Cộng	34.343.095.204	49.195.394.265

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	7.108.363.448	6.409.063.733
Ecom Agrottrade Limited	1.312.593.000	-
Hebei CangZhou New Century Foreign Trade Co.LTD	854.950.974	2.474.813.142
Agri Commodities & Finance.FZE	835.215.163	-
Caprico Internationnal PTE Ltd	819.684.000	-
Spiral Peacock Limited	492.217.241	610.948.800
Các nhà cung cấp khác	2.793.703.070	3.323.301.791
Cộng	7.108.363.448	6.409.063.733

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	967.578.939	-	2.876.047.044	-
Tạm ứng	551.367.460	-	443.203.318	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	30.441.207	-	17.468.829	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.500.000	-	11.500.000	-
Phải thu Bà Nguyễn Thị Anh Xuân - tiền hợp tác kinh doanh	-	-	2.250.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	374.270.272	-	153.874.897	-
Cộng	967.578.939	-	2.876.047.044	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Số dư chủ yếu là ký quỹ dài hạn để thuê văn phòng và các khoản khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	10.812.808.182	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	71.846.712.615	-	27.474.431.858	-
Công cụ, dụng cụ	990.123.332	-	845.227.661	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.633.560.561	-	5.615.768.480	-
Thành phẩm	102.282.463.568	-	58.890.729.542	-
Hàng hóa	2.062.009.573	-	2.169.991.455	-
Hàng gửi đi bán	6.837.243.909	-	5.494.005.468	-
Cộng	207.464.921.740	-	100.490.154.464	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	95.062.615	3.969.696
Công cụ dụng cụ	12.641.669	27.811.667
Chi phí thuê văn phòng	-	27.618.181
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.805.831	58.946.221
Cộng	126.510.115	118.345.765

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	559.337.091	471.699.881
Tiền thuê đất	394.968.197	313.480.838
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	189.128.856	13.020.824
Nội thất văn phòng	158.941.515	238.412.271
Chi phí vận chuyển, di dời	78.750.000	118.125.000
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, văn phòng	40.131.818	150.672.655
Các chi phí trả trước dài hạn khác	66.712.500	25.000.000
Cộng	1.487.969.977	1.330.411.469

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	34.376.501.000	50.496.113.646	5.225.262.658	266.281.000	90.364.158.304
Mua trong kỳ	406.924.364	3.155.648.718	-	-	3.562.573.082
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	1.278.906.725	-	-	1.278.906.725
Thanh lý, nhượng bán	-	(378.158.325)	-	-	(378.158.325)
Số cuối kỳ	34.783.425.364	54.552.510.764	5.225.262.658	266.281.000	94.827.479.786
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	13.732.585.423	19.248.237.328	3.304.519.385	34.620.000	36.319.962.136
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	16.957.293.031	29.167.460.726	3.864.974.790	170.999.083	50.160.727.630
Khấu hao trong kỳ	858.515.803	2.663.740.903	110.250.310	23.166.100	3.655.673.116
Thanh lý, nhượng bán	-	(378.158.325)	-	-	(378.158.325)
Số cuối kỳ	17.815.808.834	31.453.043.304	3.975.225.100	194.165.183	53.438.242.421
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.419.207.969	21.328.652.920	1.360.287.868	95.281.917	40.203.430.674
Số cuối kỳ	16.967.616.530	23.099.467.460	1.250.037.558	72.115.817	41.389.237.365
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm chương trình máy tính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	281.137.500	98.398.125	182.739.375
Tăng trong kỳ	-	28.113.750	-
Số cuối kỳ	281.137.500	126.511.875	154.625.625

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số dư chi phí dự án trồng nho tại Ninh Thuận. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	5.333.252.384
Chi phí phát sinh trong kỳ	7.013.397.478
Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	(1.278.906.725)
Số cuối kỳ	11.067.743.137

10. Phải trả người bán ngắn hạn

10a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.463.488.213	6.839.401.025
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Quốc Thịnh	627.247.545	19.169.000
Valency International Trading Pte Ltd	469.137.076	-
Công ty Cổ phần Đông Á	381.268.580	1.010.116.120
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông Thiên Hy Long Việt Nam	-	882.900.700
Công ty Cổ phần Starprint Việt Nam	-	880.510.624
Các nhà cung cấp khác	2.985.835.012	4.046.704.581
Cộng	4.463.488.213	6.839.401.025

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	2.090.820.429	3.839.110.398
Doanh Nghiệp Tư Nhân Võ Lụa	1.508.500.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Hasa	513.480.838	513.480.838
Guangyu Dianbai Guangdong Co., Ltd	-	3.290.526.666
Các khách hàng khác	68.839.591	35.102.894
Cộng	2.090.820.429	3.839.110.398

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.989.083.522	-	1.802.229.575	(5.443.213.954)	348.099.143	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.873.833.024	-	5.451.582.790	(15.384.673.176)	940.742.638	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	612.560.885	(612.560.885)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.506.224.126	-	1.851.738.909	(3.444.266.353)	913.696.682	-
Thuế thu nhập cá nhân	36.903.367	-	240.159.837	(313.308.946)	-	36.245.742
Tiền thuê đất	-	-	369.968.197	(369.968.197)	-	-
Thuế môn bài	-	-	13.000.000	(13.000.000)	-	-
Thuế nhà thầu	8.337.229	-	-	(8.337.229)	-	-
Cộng	17.414.381.268	-	10.341.240.193	(25.589.328.740)	2.202.538.463	36.245.742

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0 %
- Hạt điều, rượu	10 %
- Dịch vụ tư vấn bán hàng	10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tập đoàn phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu dưới 20 độ với thuế suất 30%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Đơn giá (VND/m²)</u>
Số 31, 32 Ngô Văn Sở, Phường 9		
+Diện tích có mái che	2.907	53.434
+Diện tích không có mái che	5.686	40.075
Lô 2, 4, 6 điểm Công nghiệp Phát Chi – Xuân Trường	19.259	1.404
Xã Trạm Hành	30.221	3.983
Xã Đạ Lây		
+Diện tích có mái che	2.021	662
+Diện tích đất sân bãi	10.056	496
Quốc lộ 20 Thị trấn Mađaguôi - Đoạn từ công trạm biển thể đến km 84 - Đất sản xuất kinh doanh	18.096	20.474
Thửa số 9, 10 và 12, xã Đạ 'ri, huyện Đạ Huoai	33.286	39

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Là số dư tiền lương tháng 6 còn phải trả cho người lao động.

Tiền lương phải trả người lao động gồm lương thời gian đối với bộ phận văn phòng, quản lý và lương sản phẩm theo đơn giá tiền lương do Công ty định cho từng bộ phận đối với công nhân sản xuất.

14. Phải trả ngắn hạn khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	15.404.355.756	446.212.158
Cổ tức phải trả	14.666.621.340	23.821.090
Kinh phí công đoàn	265.352.346	230.302.785
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	20.501.117	3.348.100
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.575.680	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	446.305.273	188.740.183
Cộng	15.404.355.756	446.212.158

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay ngắn hạn/dài hạn

15a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay các tổ chức khác	125.113.512.174	13.046.625.251
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	125.038.512.174	12.751.625.251
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	75.000.000	295.000.000
Cộng	<u>125.113.512.174</u>	<u>13.046.625.251</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng cấp tín dụng số 0013 và 0014/TDN/16 LD ngày 12 tháng 5 năm 2017 và các hợp đồng cho vay hạn mức, mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và phát hành thư tín dụng, hạn mức vay lần lượt là 30 tỷ đồng đối với Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng và 150 tỷ đồng đối với Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng, thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng đến ngày 12/5/2018. Lãi suất tiền vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	12.751.625.251	295.000.000	13.046.625.251
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	192.292.178.967	-	192.292.178.967
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	367.137.169	-	367.137.169
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(80.372.429.213)	(220.000.000)	(80.592.429.213)
Số cuối năm	<u>125.038.512.174</u>	<u>75.000.000</u>	<u>125.113.512.174</u>

15b. Vay dài hạn

Số dư vay dài hạn Trung Tâm Khuyến Công tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng hỗ trợ và thu hồi kinh phí khuyến công, khoản vay không có tài sản đảm bảo và không có lãi suất.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	75.000.000	295.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	460.000.000	460.000.000
Cộng	<u>535.000.000</u>	<u>755.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Trung Tâm Khuyến Công tỉnh Lâm Đồng như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	460.000.000
Số tiền vay phát sinh	-
Số cuối kỳ	<u>460.000.000</u>

15c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	434.972.767	-	-	434.972.767
Quỹ phúc lợi	12.085.801	50.000	(7.860.000)	4.275.801
Cộng	<u>447.058.568</u>	<u>50.000</u>	<u>(7.860.000)</u>	<u>439.248.568</u>

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	124.214.180.000	7.335.990.805	24.958.917.015	156.509.087.820
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	7.928.638.595	7.928.638.595
Số dư cuối kỳ trước	<u>124.214.180.000</u>	<u>7.335.990.805</u>	<u>32.887.555.610</u>	<u>164.437.726.415</u>
Số dư đầu năm nay	146.571.500.000	9.933.986.561	20.565.672.960	177.071.159.521
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	7.244.519.361	7.244.519.361
Cổ tức năm 2016 phải trả	-	-	(14.657.150.000)	(14.657.150.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>146.571.500.000</u>	<u>9.933.986.561</u>	<u>13.153.042.321</u>	<u>169.658.528.882</u>

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Elmich	74.752.820.000	74.752.820.000
Công ty Cổ phần GTNFoods	51.300.960.000	51.300.960.000
Các cổ đông khác	20.517.720.000	20.517.720.000
Cộng	<u>146.571.500.000</u>	<u>146.571.500.000</u>

Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 146.571.500.000 VND.

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.657.150	14.657.150
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.657.150	14.657.150
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.657.150	14.657.150

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã ghi nhận cổ tức phải trả năm 2016 với số tiền 14.657.150.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 108/NQ-CPTP-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	553.678,44	151.345,11
Euro (EUR)	89,36	89,36

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	39.438.613.270	-
Doanh thu bán thành phẩm	208.195.320.406	166.211.836.417
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.358.986.818	19.071.571.025
Cộng	254.992.920.494	185.283.407.442

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	2.455.920	6.528.000
Hàng bán bị trả lại	4.470.750.968	3.039.373.473
Cộng	4.473.206.888	3.045.901.473

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	36.837.620.298	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	192.193.032.266	151.677.491.402
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.370.417.958	13.541.904.967
Cộng	234.401.070.522	165.219.396.369

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	151.735.960	299.988.018
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	355.507.000	217.189.778
Cộng	507.242.960	517.177.796

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	663.959.052	476.295.714
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	149.504.006	244.468.629
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	362.162.671	270.339.484
Chi phí tài chính khác	870.575	213.203
Cộng	1.176.496.304	991.317.030

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	80.481.579	109.535.451
Chi phí vật liệu, bao bì	1.175.231.443	1.100.514.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	217.048.212	166.650.929
Chi phí quảng cáo	1.586.706.570	258.222.218
Chi phí mua ngoài	405.131.713	670.274.079
Các chi phí khác	247.626.457	524.118.110
Cộng	3.712.225.974	2.829.315.566

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.391.325.607	1.909.567.582
Chi phí đồ dùng văn phòng	453.636	28.453.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương	(1.679.743.486)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	531.579.428	941.907.177
Các chi phí khác	1.191.704.191	837.879.693
Cộng	2.528.319.376	3.717.807.540

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	54.545.455
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	454.545	26.727.273
Thu bồi thường	49.622.833	-
Thu nhập khác	-	2.500.210
Cộng	50.077.378	83.772.938

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí khác

Các khoản nộp phạt, truy thu thuế.

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.244.519.361	7.928.638.595
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7.244.519.361	7.928.638.595
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	14.657.150	14.657.150
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	494	541

10b. Thông tin khác

Ngày 26 tháng 9 năm 2016 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 638 VND xuống còn 541 VND, lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm từ 638 VND xuống còn 541 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.536.023.619	59.509.675.326
Chi phí nhân công	14.224.846.387	16.305.068.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.998.951.517	2.652.959.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.556.239.163	10.097.710.984
Chi phí khác	5.901.607.861	4.345.373.797
Cộng	112.217.668.547	92.910.788.186

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương và phụ cấp với tổng thu nhập trong kỳ là 521.716.000 VND (cùng kỳ năm trước là 297.648.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Elmich	Cổ đông sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần GTNFoods	Cổ đông sở hữu 35% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Elmich		
Mua thành phẩm của Công ty Cổ phần Elmich	41.830.000	-
Thanh toán tiền mua (đã bao gồm thuế VAT)	46.013.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất, mua bán rượu
- Lĩnh vực 2: Sản xuất, kinh doanh điều

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất, mua bán rượu	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.946.135.502	224.573.578.104	250.519.713.606
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.946.135.502	224.573.578.104	250.519.713.606
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.617.219.642	7.260.878.092	9.878.097.734
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			9.878.097.734
Doanh thu hoạt động tài chính			507.242.960
Chi phí tài chính			(1.176.496.304)
Thu nhập khác			50.077.378
Chi phí khác			(162.663.498)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.851.738.909)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			7.244.519.361
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	11.064.220.474	692.693.702	11.756.914.176
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.292.491.554	663.347.387	3.955.838.941
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	29.094.978.018	153.142.527.951	182.237.505.969
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.094.978.018	153.142.527.951	182.237.505.969
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.131.956.791	4.339.029.703	10.470.986.494
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			10.470.986.494
Doanh thu hoạt động tài chính			517.177.796
Chi phí tài chính			(991.317.030)
Thu nhập khác			83.772.938
Chi phí khác			(77.327.377)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.074.654.226)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			7.928.638.595

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất, mua bán rượu	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>21.982.109.706</u>	<u>2.409.528.622</u>	<u>24.391.638.328</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>2.287.665.440</u>	<u>569.052.436</u>	<u>2.856.717.876</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất, mua bán rượu	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>216.596.206.979</u>	<u>196.985.145.237</u>	<u>(111.593.266.352)</u>	301.988.085.864
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>20.402.015.532</u>
Tổng tài sản				<u>322.390.101.396</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>45.361.795.062</u>	<u>176.898.705.085</u>	<u>(84.940.584.306)</u>	137.319.915.841
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>15.411.656.673</u>
Tổng nợ phải trả				<u>152.731.572.514</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>207.878.777.849</u>	<u>63.629.741.626</u>	<u>(54.630.255.880)</u>	216.878.263.595
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>13.082.221.626</u>
Tổng tài sản				<u>229.960.485.221</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>33.440.419.834</u>	<u>43.052.262.319</u>	<u>(31.695.446.290)</u>	44.797.235.863
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>8.092.089.837</u>
Tổng nợ phải trả				<u>52.889.325.700</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Tập đoàn đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

00
/ NH
TƯ
C
AN
/ H

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả người bán	4.463.488.213	-	4.463.488.213
Vay và nợ	125.113.512.174	460.000.000	125.573.512.174
Các khoản phải trả khác	15.118.502.293	-	15.118.502.293
Cộng	144.695.502.680	460.000.000	145.155.502.680
Số đầu năm			
Phải trả người bán	6.839.401.025	-	6.839.401.025
Vay và nợ	13.046.625.251	460.000.000	13.506.625.251
Các khoản phải trả khác	239.407.691	-	239.407.691
Cộng	20.125.433.967	460.000.000	20.585.433.967

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	553.678,44	89,36	151.345,11	89,36
Phải thu khách hàng	1.032.953,00	-	180.600,00	-
Phải trả người bán	(51.086,43)	-	-	-
Vay và nợ	(4.481.215,73)	-	(559.650,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(2.945.670,72)	89,36	(227.704,89)	89,36

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.607.373.632	-	22.878.251.046	-
Phải thu khách hàng	34.343.095.204	-	49.195.394.265	-
Các khoản phải thu khác	567.320.272	-	2.596.924.897	-
Cộng	51.517.789.108	-	74.670.570.208	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả người bán	4.463.488.213
Vay và nợ	125.573.512.174	13.506.625.251
Các khoản phải trả khác	15.118.502.293	239.407.691
Cộng	145.155.502.680	20.585.433.967

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo quyết định của Hội đồng quản trị số 193/QĐ-CPTP-HĐQT và nghị quyết của Hội đồng quản trị số 194/NQ-CPTP-HĐQT ngày 07 tháng 8 năm 2017, Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt cho các cổ đông với mức 1.000 đồng/cổ phiếu vào ngày 20/10/2017 (xem thuyết minh số V.17d).

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lâm Đồng, ngày 02 tháng 8 năm 2017



Phan Anh Tú
Người lập biểu



Phan Anh Tú
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thụy
Tổng Giám đốc